

Bản án số: 104/2018/DS-PT

Ngày: 31 - 10 - 2018

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Tâm

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Phương Bắc

Ông Trịnh Hoàng Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu: Ông Nguyễn Hồ Diệp - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 03 và 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2018/TLPT-DS ngày 09 tháng 8 năm 2018 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 22/2018/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 80/2018/QĐ-PT ngày 26/8/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2018/QĐ-PT ngày 11/9/2018; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 103/2018/QĐ-PT ngày 03/10/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vũ Công C, sinh năm 1962; Địa chỉ: Tổ 1, ấp T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C: Luật sư Phan Minh Đ – Chi nhánh công ty luật hợp danh M, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Hữu T, sinh năm 1962 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ 1, ấp T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Ông T có mặt, bà N vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đỗ Thị K, sinh năm 1962; Địa chỉ: Tổ 1, ấp T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền cho bà K: Ông Vũ Công C, sinh năm 1962; Địa chỉ: Tổ 1, ấp T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có mặt).

3.2. Bà Đặng Thị N1, sinh năm 1968; Địa chỉ: Tổ 3, ấp T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Vắng mặt).

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Mai Trung T1, sinh năm 1960; Địa chỉ: Tổ 5, thôn L, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt).

4.2. Ông Mai Đức T2, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Vắng mặt).

5. Người kháng cáo: Ông Vũ Công C là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng giải quyết vụ án, ông Vũ Công C trình bày: Ông Lê Hữu T và bà Phạm Thị N xây tường rào gạch lấn chiếm của ông quyền sử dụng phần đất ký hiệu thửa A diện tích 31.8m² (theo sơ đồ vị trí thửa đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T lập ngày 07/8/2017) và là phần đất ký hiệu thửa B có diện tích 31,7m² (theo sơ đồ vị trí thửa đất của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu lập ngày 09/11/2017).

Đất tranh chấp là một phần thửa đất số 35 tờ bản đồ số 32 xã P, huyện T (nay là phường P, thị xã P), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 177248 do UBND huyện T cấp cho ông ngày 18/6/1998, kích thước thửa đất thể hiện theo Sơ đồ vị trí thửa đất ngày 20/02/2009 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T.

Phần diện tích đất tranh chấp trước đây là hồ nước tưới gia đình ông đào trồng rau khoảng năm 1993, đến năm 2005 thì ông lấp đầy bằng rác, năm 2007 thì lấp đất đầy hẳn. Khoảng tháng 3 năm 2013 vợ chồng ông Lê Hữu T xây tường rào lấn chiếm phần đất nay đang tranh chấp. Hồ nước tưới này được ông Mai Đức T2, ông Mai Trung T1 (chủ nhà cũ sang lại cho ông Lê Đức T) xác nhận vào năm 2014.

Nay ông yêu cầu vợ chồng ông Lê Đức T, bà Phạm Thị N tháo dỡ tường rào và di dời cây cối để giao trả lại cho gia đình ông phần đất tranh chấp nêu trên.

- Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Hữu T và bà Phạm Thị N trình bày: Diện tích đất ông C tranh chấp ký hiệu thửa A diện tích 31.8m² (theo sơ đồ vị trí thửa đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T lập ngày 07/8/2017) và là thửa B diện tích 31,7m² (theo sơ đồ vị trí thửa đất của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu lập ngày 09/11/2017) thuộc thửa đất số 34 tờ bản đồ số 32 xã P, huyện T (nay là phường P, thị xã P), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BQ 692360 ngày 24/12/2013 do UBND huyện T cấp cho ông, bà. Nguồn gốc đất là vợ chồng ông, bà mua của ông Mai Trung T1 vào năm 1995, do diện tích đất trên đứng tên bà Đặng Thị N1 nên tất cả các giấy tờ đều thể hiện bà Ngoan chuyển nhượng cho ông T. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng thì ranh giới đất giữa ông C và ông Thành là: phía trước và phía sau có trồng hàng dâm bụt, ở giữa đất được xây bờ kè bằng đá.

Đến năm 2012, vợ chồng ông, bà xây dựng tường rào thì ông C trực tiếp tham gia đo đất, căng dây cho vợ chồng ông, bà xây.

Nay ông, bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông C vì gia đình ông, bà sử dụng đúng diện tích đã mua của ông Thành từ năm 1995 đến nay, không sử dụng lấn chiếm ranh giới. Mặt khác ranh giới giữa nhà ông Thành (chủ cũ) và đất của bà Đặng Thị N1 đã có ranh giới là bức tường rào gạch đã xây dựng từ rất lâu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

+ Bà Đỗ Thị K (do ông Vũ Công C đại diện ủy quyền) trình bày: Đồng ý với ý kiến và yêu cầu của ông Vũ Công C, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông C.

+ *Tại Biên bản hòa giải ngày 26/7/2016 (BL 34) và Biên bản phiên tòa sơ thẩm, bà Đặng Thị N1 trình bày:* Nguồn gốc đất của gia đình ông C và ông T đều do gia đình bà sang nhượng. Vào năm 1995 ông T nhận chuyển nhượng đất của ông Mai Trung T1, do thừa đất đứng tên bà nên bà trực tiếp ký chuyển nhượng. Diện tích đất chuyển nhượng cho ông T có chiều ngang khoảng 11m, chiều dài khoảng hơn 42m. Riêng phần đất chuyển nhượng cho ông C là bố mẹ bà chuyển nhượng trước đó, bà không nhớ rõ, nhưng nằm giáp ranh với đất của ông T, ranh giới 2 nhà được thể hiện rõ bằng bờ kè móng đá đã được xây dựng ở giữa đất, còn phía trước và sau có hàng rào cây dâm bụt. Phần đất tranh chấp giữa gia đình ông C và gia đình ông T được ký hiệu thửa A (sơ đồ vị trí thửa đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T lập ngày 07/8/2017) và là thửa B (theo sơ đồ vị trí thửa đất của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu lập ngày 09/11/2017) không liên quan đến đất của gia đình bà nên bà không có yêu cầu gì.

- *Người làm chứng trình bày:*

+ Ông Mai Trung T1 trình bày: Năm 1995 gia đình ông chuyển nhượng cho gia đình ông T nhà và đất thửa số 34 tờ bản đồ số 32 xã P, huyện T (nay là phường P, thị xã P), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Tại thời điểm chuyển nhượng cho gia đình ông T thì ranh giới giữa gia đình ông và ông C đã được phân định rõ ràng, cụ thể: phần giữa thửa đất thì ông xây tường đá, còn phía trước và phía sau có hàng dâm bụt, phần sau đất giáp ranh với hồ nước do gia đình ông C đào để tưới cây. Riêng việc gia đình ông T sử dụng sau này có lấn chiếm đất của gia đình ông C không thì ông không biết.

+ Ông Mai Đức T2 trình bày: Ông có xác nhận nội dung 01 văn bản viết năm 2014 do ông Vũ Công C cung cấp với nội dung “Tôi tên Mai Đức T2 xác nhận có 01 cái hồ nước đào để tưới rau là thuộc về đất của ông Vũ Công C”. Lý do ông Tiên xác nhận là: vào năm 1990 gia đình ông C có đào 01 cái hồ phía sau thửa đất để tưới cây. Tuy nhiên để xác định hồ nước này đã bị gia đình ông T lấn chiếm hay không thì ông không biết. Vì tại thời điểm xác nhận thì hồ nước này không còn nữa do đã lấp từ lâu. Ông được biết vào năm 2012, ranh giới đất giữa gia đình ông T và gia đình ông C đã được xác định bằng tường rào do gia đình ông T xây dựng, tại thời điểm xây dựng không xảy ra tranh chấp.

- *Tại bản án dân sự sơ thẩm số 22/2018/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định như sau:*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Công C với ông Lê Hữu T và bà Phạm Thị N.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, nghĩa vụ do chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 09/7/2018 ông Vũ Công C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, buộc vợ chồng ông T, bà N phải tháo dỡ hàng rào xây gạch giao trả lại diện tích đất 31,7 thuộc thửa 35 tờ bản đồ số 32 để ông C được quyền sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Ngày 10/9/1984, ông C nhận chuyển nhượng của ông Đặng Xuân T3 diện tích đất 300m² ở xã P, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Ngày 08/7/1996, ông C có đơn xin cấp giấy chứng nhận QSD đất với diện tích 955m² đến ngày 18/6/1998 ông C được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận QSD đất số M 177248 vào ngày 18/6/1998 với diện tích 955m² thuộc thửa 55, tờ bản đồ 32, đến ngày 19/02/2009 thì đổi thành thửa 35. Nguồn gốc đất của ông T là do nhận chuyển nhượng đất của ông Mai Trung T1 (ông Thành là con ông Trường) nhưng do bà Đặng Thị N1 là người ký giấy tờ chuyển nhượng, đến ngày 18/6/1998, ông T được cấp giấy chứng nhận QSD đất thuộc thửa 34 tờ bản đồ 32 với diện tích đất 440m², năm 2013 thì được cấp đổi lại giấy chứng nhận QSD đất. Như vậy, cả nguyên đơn và bị đơn đều nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ những người khác, tại thời điểm nhận chuyển nhượng đất thì đất chưa có giấy chứng nhận QSD đất, sau đó thì nguyên đơn và bị đơn đều được cấp giấy chứng nhận QSD đất cùng một thời điểm; Theo ý kiến của đại diện chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T tại biên bản phiên tòa ngày 13/12/2017 thì tại thời điểm cấp giấy chứng nhận QSD đất mang tính chất đại trà, chỉ đo đạc bản đồ bằng giấy, không thể hiện qua bản đồ số hóa nên không xác định được ranh đất khi cấp đất. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận trước thời điểm ông Thành chuyển nhượng cho ông T thì ranh đất ở giữa là một đoạn bờ kè đá, phía trước và phía sau là hàng rào bụi nhưng hiện nay đã được ông T phá bỏ và xây tường rào dẫn đến tranh chấp.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận khoảng năm 2012, năm 2013 thì gia đình ông T phá bỏ hàng rào cũ, xây dựng hàng rào mới mà hiện nay có diện tích đất, nguyên đơn cho rằng bị lấn đất nhưng trong suốt quá trình gia đình ông T xây dựng, không thể hiện phía gia đình ông C phản đối hay ngăn cản việc xây dựng. Ông C cho rằng một phần diện tích gia đình ông T xây dựng hàng rào lấn qua trước đất là hồ nước đã được gia đình ông lấp đầy vào khoảng thời gian 2005 - 2007 bằng rác và đất. Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT thì thực tế không xác định được hồ đất nên không có căn cứ để dựa vào lời khai của ông C về việc ông T xây dựng hàng rào chồng lấn lên diện tích đất của ông C.

Theo sơ đồ đo vẽ của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện T ngày 07/8/2017 thì diện tích đất tranh chấp là 31,8m² thuộc thửa 34 của ông T; Tuy nhiên, theo sơ đồ đo vẽ ngày 09/11/2017 của trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường thì diện tích đất tranh chấp là 31,7m² thuộc thửa 35 của ông C, như vậy có sự mâu thuẫn nhau giữa hai sơ đồ đo vẽ này. Tại cấp phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT đã

có văn bản số 548A/TA-DS ngày 10/9/2018 gửi Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thuộc Sở tài nguyên môi trường; Ngày 09/10/2018 Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh đã có Công văn số 1239/VPĐKĐĐ có nội dung: Sơ đồ đo vẽ ngày 09/11/2017 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường không dựa vào hồ sơ địa chính hiện hành của phường P dẫn đến kết quả đo đạc sai lệch ranh so với bản đồ địa chính hiện hành. Việc xác định số tờ, số thửa đất tại sơ đồ vị trí do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T đo vẽ ngày 07/8/2017 là thực hiện theo đúng quy định. Do đó không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Công C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Theo Sơ đồ vị trí ngày 07/8/2017 do Văn phòng đăng ký đất đai huyện T đo vẽ thể hiện phần đất tranh chấp thuộc thửa 34 tờ bản đồ số 32 xã P, huyện T; Theo Sơ đồ vị trí ngày 09/11/2017 do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường đo vẽ thể hiện phần đất tranh chấp thuộc thửa 35, tờ bản đồ số 32 xã P, huyện T. Hai sơ đồ thể hiện khác nhau về số thửa của đất tranh chấp.

Theo Văn bản số 1239/VPĐK-KTĐC ngày 09/10/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trả lời: “Kết quả đo đạc, lập sơ đồ ngày 09/11/2017 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không dựa vào hồ sơ địa chính hiện hành của phường P, thị xã P dẫn đến kết quả đo đạc sai lệch ranh so với bản đồ địa chính hiện hành (*là tài liệu có giá trị về mặt pháp lý*). Mặt khác, sơ đồ chưa được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh hoặc chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai kiểm tra xác nhận theo đúng quy định của Sở Tài nguyên và Môi trường. Căn cứ theo khoản 2 Điều 6, Thông tư số: 24/TT-BTNMT ngày 19/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai và các chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai là đơn vị quản lý và cập nhật, chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính. Do đó, việc xác định số tờ bản đồ, số thửa đất tại sơ đồ vị trí do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T đo vẽ ngày 07/8/2017 là thực hiện theo đúng quy định”.

Theo yêu cầu của ông C, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã P đo vẽ lại để kiểm tra xác định đất tranh chấp. Kết quả sơ đồ ngày 31/10/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã P thể hiện phần đất tranh chấp thuộc thửa số 34, tờ bản đồ số 32 phường P, thị xã P (đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông Lê Hữu T). Trong khi đó đất của ông C thuộc thửa số 35, tờ bản đồ số 32, phường P, thị xã P.

Mặt khác, xét thực tế sử dụng đất cho thấy các bên sử dụng bảo đảm kích thước, diện tích, phù hợp với quyền sử dụng đất được cấp, thể hiện theo tờ bản đồ địa chính (Bút lục số 77, 78 và 86); Phần đất các bên sử dụng đã ổn định, phần đất ông T đã xây dựng tường gạch cũ sử dụng; Hộ giáp ranh liền kề với đất ông C là bà Hoàng và ông Sơn nhất trí ranh đất theo thực tế sử dụng và không tranh chấp. Như vậy diện tích đất các bên sử dụng đảm bảo về quyền lợi của mình. Án sơ thẩm không chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của ông C là có căn cứ. Không chấp nhận kháng cáo của ông C.

[2] Về chi phí đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 13.290.000đ (Trong đó: Chi phí tại Tòa án cấp sơ thẩm là 10.790.000đ; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo vẽ tại Tòa án cấp phúc thẩm là 2.500.000đ): Ông Vũ Công C phải chịu và đã nộp xong.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông C phải chịu án phí trên giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp không được chấp nhận là $31,7\text{m}^2 \times 1.500.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 5\% = 2.377.500\text{đ}$. Án sơ thẩm quyết định ông C phải chịu 3.657.000đ là không đúng, sửa lại phần này của án sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên ông C không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Vũ Công C. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 22/2018/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu như sau:

Căn cứ vào Điều 147, 148, 165, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 170, 179, 203 Luật đất đai; Điều 27, 29 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Công C đối với ông Lê Hữu T và bà Phạm Thị N về tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích $31,7\text{m}^2$ thửa 34, tờ bản đồ số 32, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Thể hiện theo sơ đồ vị trí thửa đất ngày 07/8/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T, được xác định lại theo sơ đồ vị trí thửa đất ngày 31/10/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã P).

2. Về chi phí đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 13.290.000đ (Mười ba triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng): Ông Vũ Công C phải chịu và đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vũ Công C phải chịu 2.377.500đ, trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000đ theo biên lai thu số 08971 ngày 10/11/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T (nay là thị xã P), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông C còn phải nộp 1.877.500đ (Một triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vũ Công C không phải chịu. Hoàn trả cho ông C 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003199 ngày 10/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 31/10/2018.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND H.T
(Nay là thị xã P);
- Chi cục THADS H.T;
(Nay là thị xã P)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trương Văn Tâm